TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 -7 -2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thuỷ và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- Bị đơn: Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa, có mặt chị L, anh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2024 các văn bản tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ninh (Nay là thị trấn Nưa), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bạo lực gia đình và quản lý kinh tế gia đình. Anh H hay uống rượu về nhà chửi bới, đánh chị làm cho chị tổn thương về tinh thần và thể xác. Chị đã phải báo cáo Công an thị trấn Nưa nhưng do vết thương chưa đến mức điều trị ở bệnh viện nên chị không yêu cầu Công an xử lý giải quyết. Ngoài ra, anh H đi làm có tiền lương nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con, mình chị phải gách vác chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi các con ăn học. Chị cũng đã hai lần nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H, do anh H hứa sửa chữa, thay đổi nên chị rút đơn nhưng đến thời điểm hiện tại

chị vẫn không thấy anh H sửa chữa khuyết điểm, vẫn có những hành động, lời nói bạo lực về thể xác và tinh thần làm cho chị mất ngủ, sức khỏe giảm sút. Lần gần đây nhất là vào đêm ngày 23/6/2024, anh H dùng tay túm hai chân chị kéo lê chị trên nền nhà làm tay, người chị bị trầy xước chảy máu. Chị không đồng ý với phương án của anh H đưa ra tại phiên tòa là kéo dài thời gian giải quyết vụ án thêm 6 tháng nữa để anh sửa chữa khuyết điểm vì chị không còn niềm tin vào anh H. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 15/8/2002 và cháu Vũ Thị Nhật A, sinh ngày 26/9/2008. Cháu Minh T đã trưởng thành, khỏe mạnh, cháu có quyền quyết định nơi ở nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhật A và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L là giáo viên công tác tại Trường Tiểu học thị trấn N, huyện T, thu nhập: 14.000.000đ/tháng. Chị có đủ sức khoẻ và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 25/4/2024, các văn bản tố tụng và tại phiên toà bị đơn là anh Vũ Xuân H trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ninh (Nay là thị trấn Nưa), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, thi thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Vào đêm ngày 23/6/2024, anh dùng tay kéo chị L trên nền nhà vì anh bảo chị ngủ chung nhưng chị L không đồng ý nên anh kéo chị L về phòng ngủ, anh nhận thấy việc làm của mình là sai. Chị L xin ly hôn nhưng anh chưa muốn ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Tại phiên tòa, anh đưa ra phương án cho anh thời gian 6 tháng nữa để anh sửa chữa khuyết điểm, nếu anh không sửa được thì anh sẽ chấp nhận ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 15/8/2002 và Vũ Thị Nhật A, sinh ngày 26/9/2008. Cháu Minh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhật A và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh là Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học thị trấn N, huyện T, thu nhập gần 20.000.000đ/tháng. Anh có đủ sức khoẻ và điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 27/5/2024, đại diện chính quyền UBND thị trấn N, huyện T cung cấp: Chị Lê Thị L và anh Vũ Xuân H kết hôn năm 2001 tại UBND xã Tân Ninh (Nay là thị trấn Nưa). Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 15/8/2002 và Vũ Thị Nhật A, sinh ngày 26/9/2008. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị

L và anh H đều là giáo viên công tác tại Trường Tiểu học thị trấn Nưa, có sức khỏe, thu nhập ổn định, không có vi phạm pháp luật, có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Vũ Xuân H. Về con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật A, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phần tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh H cư trú tại xã thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Vũ Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được được Ủy ban nhân dân xã Tân Ninh (Nay là thị trấn Nưa), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 278 quyển số 04 ngày 19 tháng 11 năm 2001 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến xảy ra va chạm, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh H đưa ra phương án sửa chữa, khắc phục khuyết điểm trong thời gian 6 tháng, nếu anh không thay đổi thì sẽ chấp nhận ly hôn với chị L. Tuy nhiên, chị L không đồng ý với phương án của anh H vì anh H đã nhiều lần hứa sửa chữa khuyết điểm nhưng anh H không thay đổi, vẫn có những hành động, lời nói bạo lực về thể xác và tinh thần làm ảnh hưởng đến sức khỏe của chị L. Chị L không còn niềm tin vào anh H và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Vũ Xuân H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung cháu là Vũ Minh T, sinh ngày 15/8/2002 và cháu Vũ Thị Nhật A, sinh ngày 26/9/2008. Cháu Minh T đã trưởng thành, cháu có quyền quyết định nơi ở nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của đương sự: Chị L và anh H đều có nguyện vọng nuôi cháu Nhật A, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Chị L và anh H đều có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều

kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Nhật A là nữ giới, đang ở độ tuổi dậy thì rất cần có sự quan tâm, chỉ bảo về giới tính của mẹ và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật A. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, do đó anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng nếu chị L không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, phù hợp với lợi ích của cháu Nhật A và điều kiện nuôi con của anh H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Vũ Xuân H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 15/8/2002 và cháu Vũ Thị Nhật A, sinh ngày 26/9/2008. Cháu Minh T đã trưởng thành, cháu tự quyết định nơi ở.

Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/002889 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND TT N
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu